

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI ĐỒNG BÀO CÔNG GIÁO TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1945-1954)

NGÔ QUỐC ĐÔNG*

Sau cách mạng tháng Tám năm 1945, trên cương vị Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, so với thời kì hoạt động bí mật trước đó, rõ ràng Hồ Chí Minh đã ở một vị thế khác trong ứng xử với các đảng phái chính trị và cả các tổ chức tôn giáo, trong đó có Công giáo. Khi ấy với vai trò người đứng đầu Chính phủ, ở thời điểm bối cảnh tái chiếm của quân Pháp khi nền độc lập của Việt Nam chưa được bao lâu, cụ Hồ đã phải giải quyết những vấn đề của Công giáo một cách *cụ thể, trực tiếp* nhưng không kém phần gai góc. Nếu trước năm 1945, Hồ Chí Minh đề cập tới tôn giáo nhiều ở *phương diện tư tưởng*, thì sau năm 1945, nó được quan tâm bổ sung nhiều hơn bởi *khía cạnh hành động*.

Tuy nhiên trong sự rối rắm của câu chuyện Công giáo và Cộng sản, Hồ Chí Minh lại có những thế ứng xử có tính chất quyết định để duy trì đại cục, hạn chế tối đa sự chia tách khối quần chúng vốn được xem là nguồn lực của cách mạng trong đó có đồng đảo đồng bào Công giáo. Đối với người Công giáo lúc đó, trong một *nhận thức tôn giáo có tính chất bao trùm* về nhân quan của họ với Cộng sản, theo đó rõ ràng Cộng sản là một sự đối chọi lại, thậm chí

triệt tiêu tôn giáo. Trên thực tế nhận thức này của người Công giáo cũng có những căn cứ lịch sử với trường hợp một số nước xã hội chủ nghĩa khác như Liên Xô, Trung Quốc, vốn đã có những bất đồng với tổ chức tôn giáo này trong tiến trình cách mạng của nước họ. Nhưng ở điểm mấu chốt này, chính Hồ Chí Minh lại có cách giải quyết tốt nhất bằng việc *luôn nhất quán quyền tự do tín ngưỡng của công dân*. Việc Chính phủ Hồ Chí Minh ngay từ buổi đầu ra mắt đã khẳng định quyền này tỏ rõ trong lập trường của những người Cộng sản, mà tiêu biểu là Hồ Chí Minh đã *tôn trọng quyền tự do niềm tin tôn giáo* của con người. Các sử liệu về thời kì này (1) cũng đưa ra những chứng cứ tin cậy rằng, bản thân các chính sách của Việt Minh trong các vùng kiểm soát đều rất tôn trọng và đề cao các kỷ luật quân đội nếu xâm phạm vào các cơ sở thờ tự của Công giáo.

Riêng với quần chúng Công giáo, ở khía cạnh này Hồ Chí Minh luôn tỏ rõ là một người *quan tâm và gần gũi với nhu cầu tôn giáo của người dân*. Các thư chúc mừng giáng sinh đồng bào Công giáo, hay quy định những ngày nghỉ lễ (2) của cụ Hồ với các tổ chức tôn giáo cho thấy rằng tôn giáo

* ThS. Viện Nghiên cứu Tôn giáo

có thể hoàn toàn tự do trong bầu không khí chính trị, xã hội do những người Cộng sản đấu tranh giành lại từ tay người Pháp. Đồng thời cũng đã tạo ra các động lực về niềm tin để quần chúng gắn bó mật thiết với các phong trào cách mạng.

1. Khẳng định quyền tự do tín ngưỡng

Ngay từ những năm đầu của thập niên 40, thế kỷ XX, trong mười chính sách của Việt Minh Hồ Chí Minh viết: "Hội hè, tín ngưỡng, báo chương, hợp hành di lại có quyền tự do" (3). Tưởng chừng những câu thơ đơn giản, nào ngờ nó chính là chìa khoá trong tư tưởng của Người khi giải quyết vấn đề nảy sinh giữa các tổ chức tôn giáo với chính quyền do những người Cộng sản lãnh đạo sau này. Chương trình Việt Minh cũng ghi rõ: "...Ban bố các quyền tự do dân chủ cho nhân dân: tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do tổ chức, tự do tín ngưỡng..." (4).

Phải nói thêm rằng trong các quyền của con người thì *quyền được tự do tín ngưỡng có ý nghĩa quan trọng đặc biệt*. Hồ Chí Minh đã lĩnh hội sâu sắc vấn đề này khi giải quyết vấn đề tôn giáo Việt Nam (5). Điều này xóa bỏ đi những mối nghi ngại trong lòng của những người Công giáo khi họ tiếp xúc với những người Việt Minh-Cộng sản. Ông Nguyễn Đình Đầu, một người Công giáo tham gia phong trào Thanh Lao Công trước năm 1945, đã kể lại về ý nghĩa quan trọng của việc ban bố quyền tự do tín ngưỡng này như sau: "Tôi còn nhớ ngay từ mùa hè năm 1942, nhân dịp cấm phòng của các đại biểu thanh Lao công Bắc Kỳ, anh Nguyễn Mạnh Hà kéo tôi ra một chỗ cùng nghiên cứu bản *Chủ trương và chương trình của Việt Minh* in bằng thạch bản, gấp lại như cuốn lịch bỏ túi. Chúng tôi đặc biệt chú ý những điều

khoản liên quan tới tự do - tín ngưỡng và các thứ tự do khác nhau. Chúng tôi không thấy một câu hay một chữ nào tỏ ra "Cộng sản tiêu diệt tôn giáo" như người ta vẫn sang tai nhau" (6).

Ở thời điểm sau năm 1945 khẳng định quyền tự do tín ngưỡng là yếu tố quan trọng *nhằm đánh vào ý đồ lợi dụng* vấn đề tôn giáo để phá hoại kháng chiến của thực dân Pháp. Việc đối diện với vấn đề tôn giáo ở thời điểm này thật không đơn giản, nhất là Công giáo. Công giáo đã được thực dân Pháp và Giáo hội lúc bấy giờ tuyên truyền rằng Cộng sản như là một thứ hiểm họa của tôn giáo. Những truyền thông này thật là một cuộc thách đố với nhiều người Công giáo Việt Nam. Lý do rất đơn giản, những người mà giới Công giáo phải đối diện sau Tháng Tám năm 1945 lại chính là những người đưa nhân dân Việt Nam làm cuộc cách mạng thành công - những người Cộng sản, với lãnh tụ ưu tú và kiệt xuất chính là Hồ Chí Minh.

Điều này cho thấy, sau Cách mạng Tháng Tám 1945, trên cương vị của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Hồ Chí Minh phải đối diện với vấn đề tôn giáo *trực tiếp và gay gắt*.

Với Công giáo đến thời điểm năm 1945, có hai vấn đề hết sức nhạy cảm mà giải quyết không hề đơn giản đó là: *Xóa bỏ cách nhìn định kiến kỳ thị, và đảm bảo nhu cầu tôn giáo chính đáng của Công giáo*. Cũng ở thời điểm Cách mạng Tháng 8 năm 1945, khi mà Đảng Cộng sản Việt Nam đã có 15 năm lãnh đạo thì có thể trả lời ngay rằng nhu cầu tôn giáo chính đáng của người Công giáo Việt Nam đó là đảm bảo *Tự do tín ngưỡng* (7).

Với quan điểm hiện nay nhìn lại thì *luận điểm "Cộng sản tiêu diệt tôn giáo"* do các thế lực thù địch đưa ra đã trở nên quá

cũ và nhằm chán. Vì trên thực tế sự tương thích giữa đôi bên qua thực tiễn lịch sử theo chiều hướng tích cực đã phủ định tất cả. Nhưng ở thời điểm hơn 70 năm về trước, luận điểm trên không khỏi gây *hoang mang và xao động* với Công giáo Việt Nam, nhất là khi nó được tuyên truyền một cách bài bản hấp dẫn bởi hàng giáo phẩm đa phần người ngoại quốc và sự lợi dụng Công giáo cho mưu đồ chính trị một cách khôn ngoan của người Pháp (8).

Tuy nhiên, dựa trên cơ sở bảo đảm những lợi ích cho dân tộc, Hồ Chí Minh đã có những bước đi phù hợp tháo gỡ từng bước những mối quan hệ chằng chéo giữa Công giáo và dân tộc - một sự chằng chéo phức tạp vốn dĩ do những căn nguyên sâu xa của lịch sử để lại. Chỉ một ngày sau khi tuyên bố Độc lập, ngày 3-9-1945, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ, Hồ Chí Minh nêu sáu nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, về nhiệm vụ thứ sáu, Người nói: “Thực dân phong kiến thi hành chính sách chia rẽ đồng bào Giáo và đồng bào Lương, để dễ bề thống trị. Tôi đề nghị Chính phủ tuyên bố: Tín ngưỡng tự do và Lương Giáo đoàn kết” (9).

Điều này không chỉ dừng ở tuyên bố nó đã được ghi cụ thể trong Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam (ngày 8-11-1946) Chương II, mục B (quyền lợi và nghĩa vụ) xác định: “Mọi công dân Việt Nam đều có quyền tự do tín ngưỡng” (10).

Tiếp đến trong *Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến* (tháng 12-1946) khẳng định rõ tư tưởng đoàn kết của Hồ Chí Minh “Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc” (11). Ngày 3-3-1951 trong lời phát biểu kết thúc buổi ra mắt của Đảng Lao động Việt

Nam, Hồ Chí Minh nêu rõ: “Chúng tôi xin nói thêm 2 điểm, nói rõ để tránh hiểu lầm: Một là vấn đề tôn giáo, thì Đảng Lao động Việt Nam hoàn toàn tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của mọi người” (12).

Như vậy, đóng góp đầu tiên của Hồ Chí Minh sau Cách mạng Tháng Tám 1945 chính là vấn đề *khẳng định quyền tự do tín ngưỡng cho mọi công dân của nước Việt Nam* mới. Độc lập và sự bình đẳng tôn giáo mà luật pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày càng thể chế rõ hơn trong những giai đoạn tiếp theo.

Tuy nhiên, cũng với bốn chữ “tự do tín ngưỡng” cho người Công giáo không phải đã được tất cả “giới” Công giáo tin tưởng và thừa nhận ở thời điểm lúc đó. Do những diễn biến phức tạp của lịch sử, sự chia rẽ và lợi dụng tôn giáo của các lực lượng đối trọng với phong trào kháng chiến của những người cộng sản Việt Nam, đây còn là một chủ đề được bàn luận dài ở miền Nam trong những năm 1954 - 1975 khi cộng đồng Công giáo miền Nam gốc Bắc bình luận về Công giáo ở miền Bắc thời kỳ xây dựng xã hội chủ nghĩa.

Đây là về mặt văn bản pháp luật còn trên hoạt động thực tế *thực thi* quyền tự do tín ngưỡng với Công giáo ở thời điểm Cách mạng Tháng Tám 1945 và những ngày đầu độc lập thì sao? - Người ta dễ dàng nhận thấy trong Chính phủ lâm thời và các giai đoạn tiếp theo đã sớm có mặt những nhân vật Công giáo nổi tiếng như Nguyễn Mạnh Hà, Vũ Đình Tụng, Nguyễn Thành Vinh cho đến các vị như Ngô Tử Hạ, Thái Văn Lung, Phạm Bá Trục, Nguyễn Bá Luật... nếu không kể đến hai nhân vật đặc biệt là Lê Hữu Từ, Hồ Ngọc Cẩn, hai vị Giám mục cố vấn tối cao của Chính phủ.

Sự có mặt của Người Công giáo trong cơ cấu chính quyền sau Cách mạng Tháng

Tám 1945, ngoài những ý nghĩa khác thì về ý nghĩa tín ngưỡng tự do cũng cần được hiểu là: Độc lập và tự do mà nhân dân Việt Nam đã hy sinh tất cả để giành được, một khi đã có, thì cũng có cho tất cả mọi người, không phân biệt tôn giáo và không tôn giáo, mọi công dân, tôn giáo đều bình đẳng.

Về thực thi cũng phải kể đến khía cạnh *tôn trọng, cấm xâm hại* các di tích lịch sử của các tôn giáo trong chính sách của Chính phủ Việt Minh tại những vùng giáo ở Đồng bằng Bắc Bộ thời điểm những năm 1945-1947. Chẳng hạn năm 1951 trong một thông tri gửi các Liên khu và Tỉnh ủy, Ban bí thư Đảng Lao động Việt Nam đã yêu cầu: “Từ lâu giặc Pháp thường lợi dụng nhà thờ làm vị trí đóng quân để chống lại ta. Việc có nên hay không nên đánh vào các nhà thờ có vị trí địch ấy là một vấn đề có tính chất quân sự và chính trị phức tạp, nay Trung ương quy định rõ các yêu cầu sau để các địa phương chú ý thi hành cho đúng chính sách của Đảng: Vì tôn trọng tín ngưỡng của nhân dân nên chủ trương chung của ta là hết sức đánh vào nhà thờ có địch đóng...” (13).

Ngày 14-6-1955 Hồ Chủ tịch ký sắc lệnh số 234/-SL của Chính phủ về vấn đề Tôn giáo. *Điều 1* khẳng định: “Chính phủ đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng và tự do thờ cúng của nhân dân. Không ai được xâm phạm quyền tự do ấy. Mỗi người Việt Nam đều có quyền tự do theo một tôn giáo hoặc không theo một tôn giáo nào” (14).

Tuy nhiên, đồng thời với việc tôn trọng quyền tự do niềm tin tôn giáo, Hồ Chí Minh tỏ rõ thái độ kiên quyết trong việc lợi dụng niềm tin tôn giáo để phá hoại khối đoàn kết toàn dân. Trong những biện pháp *triệt để nhất* để giải quyết vấn đề này, có lẽ Hồ Chí Minh đã sớm nghĩ tới giải pháp bằng việc *pháp luật hóa* chính sách tự do

tín ngưỡng. Vì thế, Hiến pháp đầu tiên năm 1946 mới có riêng một điều ghi nhận tự do tín ngưỡng và đoàn kết lương giáo. Sắc lệnh 234/-SL, tại *Điều 7* ghi nhận: “Pháp luật sẽ trừng trị những kẻ nào mượn danh nghĩa tôn giáo để phá hoại hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, tuyên truyền chiến tranh, phá hoại đoàn kết, ngăn trở tín đồ làm nghĩa vụ công dân, xâm phạm tự do tín ngưỡng và tự do tư tưởng của người khác, hoặc làm những việc trái pháp luật” (15).

Một điều dễ nhận thấy là Hồ Chí Minh luôn đặt vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng *trong* và *dưới* vấn đề độc lập dân tộc, trong khuôn khổ của đoàn kết dân tộc, cùng kháng chiến giành Độc lập.

Để phát huy cao độ khối đại đoàn kết dân tộc, Hồ Chí Minh chăm lo những lợi ích chính đáng của người lao động. Đối với đồng bào Công giáo, đa số là nông dân, cũng như bao nông dân khác, họ không có hoặc có rất ít ruộng đất, đại bộ phận ruộng đất nằm trong tay địa chủ, Nhà Chung. Chính vì vậy, ngày 19-12-1953 sắc lệnh 197-SL do Hồ Chủ tịch ký ban bố *Luật cải cách ruộng đất*. Về vấn đề ruộng đất của tôn giáo tại Chương III, *Điều 25* của luật quy định: Những đối tượng được chia trong đó nhà chung, nhà chùa, từ đường và các cơ quan tôn giáo được để lại một phần ruộng đất để dùng vào việc thờ cúng. Phần ruộng đất “do nhân dân địa phương bình nghị và ủy ban kháng chiến tỉnh xét định. Trường hợp đặc biệt thì cấp trên quyết định. Những người làm nghề tôn giáo nếu không đủ sống, có sức cày cấy và yêu cầu, thì được chia một phần ruộng đất ở nơi họ hoạt động, hoặc quê quán họ” (16). Đánh giá ý nghĩa tích cực của vấn đề chính sách ruộng đất tôn giáo ở một thời điểm lịch sử nhạy cảm như vậy, một nhà phân tích chính trị lúc đó nhận xét: Một số người Công giáo xét lại thiết chế tôn giáo trong thời thực dân

mà theo họ là một trong những hình thức của nền bóc lột ngoại bang. Vì cải cách ruộng đất đã chia ruộng đất của Nhà Chung cho nông dân Công giáo một số ruộng đất lớn (17).

Có thể thấy chi tiết hơn vấn đề ruộng đất của các tôn giáo trong sắc lệnh số 234/SL, qua Điều 11 và 12. Ở đây cách giải quyết của Hồ Chí Minh thể hiện sự hiểu biết sâu sắc của Người về tôn giáo nhất là với cộng đồng Công giáo vốn rất nhạy cảm, và cũng thể hiện tính nhân văn sâu sắc của Người khi phải đối diện tục tiếp với cải cách ruộng đất của tôn giáo (18).

Rõ ràng việc khẳng định tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và được pháp điển hóa trong Hiến pháp và sắc lệnh được Hồ Chí Minh thực hiện trong những năm 1945-1954 đã có ý nghĩa tích cực đối với việc tạo dựng niềm tin của người Công giáo vào một thể chế mới. Cách giải quyết của Hồ Chí Minh đã tập trung vào vấn đề cấp bách nhất của Công giáo là lo sợ Công giáo bị triệt tiêu dưới chính phủ cộng sản. Tuy nhiên phần lớn người Công giáo vẫn nghi ngại với tự do mà chính phủ đã khẳng định, nên họ đã di cư vào Nam sau tháng 7-1954 (19). Dù vậy, với những nỗ lực về chủ trương cho đến khía cạnh pháp lý và những thực thi ở thời điểm này, Hồ Chí Minh đã tạo ra những nền tảng cho những người Công giáo đồng hành cùng dân tộc trong môi trường mới (20).

2. Tìm mọi khả năng để hướng người công giáo vào các hoạt động kháng chiến

Xuất phát từ sự phong phú, đa chiều của cuộc kháng chiến, từ tính chất phức tạp của vấn đề Công giáo với dân tộc, dựa trên tương quan ý thức hệ của tình hình quốc tế và đối mặt trực tiếp giải quyết những nhiệm vụ cấp bách của dân tộc, giai đoạn 1945-1954,

Hồ Chí Minh có nhiều bài viết, bài nói xuất sắc nhất, hay nhất về tôn giáo.

Điều nhạy cảm nhất của vấn đề Công giáo trong kháng chiến chống Pháp, mà nó dễ bị đưa ra *lợi dụng* nhất là vấn đề *vô thân - hữu thân*.

Nhưng chính ở cái nhạy cảm nhất, là căn nguyên của sự phức tạp, Hồ Chí Minh lại có thể *hoá giải tài tình* nhất. Hầu như không bao giờ Hồ Chí Minh dả động đến hai từ Cộng sản trong những bài viết, bài nói chuyện về Công giáo. Người cũng chẳng giải thích vô thân là gì, hữu thân là gì. Ở những thời điểm nhạy cảm của lịch sử, Hồ Chí Minh ít thổ lộ mình là Cộng sản, chỉ đề cập tới một Chính phủ Việt Minh, Mặt trận Việt Minh và hiện diện với tư cách của con người Việt Minh "chứ không phải là người Cộng sản". Trong thư gửi Giám mục Lê Hữu Từ ngày 1-2-1947, Hồ Chí Minh đã khéo léo gác qua một bên định kiến với cộng sản của Giám mục, đồng thời giải thích rõ chính sách của Việt Minh. Người viết:

"Chắc Cụ không bao giờ tin rằng Việt Minh chống đạo, vì Cụ thừa biết Việt-Nam-Độc-Lập-Đông-Minh là cốt đoàn kết tất cả đồng bào để làm cho Tổ quốc độc lập, chứ không phải để chia rẽ phản đối tôn giáo.

Mà tôi cũng không bao giờ nghĩ rằng đồng bào Công giáo chống Việt Minh....

Nếu chính phủ là Việt Minh, thì sao lại có những bộ trưởng không thuộc phái nào

Nếu chính phủ là cộng sản, thì sao lại có những vị Cố vấn tối cao như Cụ" (21).

Trong tiếp xúc vận động đồng bào Công giáo, Hồ Chí Minh *tránh tranh luận* về vấn đề tế nhị đó (vô thân-hữu thân). Chẳng hạn khi nói chuyện với linh mục Cao Văn Luận, lúc câu chuyện bị linh mục dẫn dắt sa vào chủ đề tranh luận về Cộng sản với Công giáo, Hồ Chí Minh đã tinh tế chuyển sang hỏi thăm chuyện đời thường của linh mục, của Việt Kiều và sinh viên ở Pháp

linh mục Luận ghi lại trong hồi kí: “Có lẽ cụ Hồ nhận ra đề tài này có thể gây rắc rối, mất lòng, nên vội lánh sang chuyện khác. Cụ hỏi tôi tình hình các Việt Kiều, sinh viên ở Pháp, việc học hành của tôi” (22). Trước khi về nước Hồ Chí Minh còn *khuyên* linh mục Cao Văn Luận viết thư cho Giám mục và giáo sĩ nước nhà, Người *đặt vấn đề* với linh mục Cao Văn Luận là nên viết thư cho Giám mục Lê Hữu Từ để khuyên Giám mục ủng hộ kháng chiến, ủng hộ Chính phủ (23). Chi tiết này được mô tả như sau trong hồi ký của Cao Văn Luận:

“- Tôi sắp về nước, nhân tiện chú nên viết một bức thư gửi các giám mục, các giáo sĩ bên nước nhà, các vị sẽ mừng vì thấy các linh mục trẻ bên Pháp đã hiểu và ủng hộ lập trường của chính phủ ta” (24).

“- Chú hãy viết thư cho Đức cha Lê Hữu Từ được rồi. Ngài là cố vấn tối cao của chính phủ ta, và cũng là bạn thân của tôi, tôi sẽ đưa tận tay ngài” (25).

Đối với Hồ Chí Minh trong *đối thoại với tôn giáo* có lẽ Người luôn đối thoại ở phương diện *giữa con người với con người hơn là giữa các ý thức hệ*. Thấy được nhiệm vụ cấp bách của dân tộc nên Người tìm mọi cách để *định hướng* hoạt động Công giáo vào hoạt động yêu nước. Phương pháp này của Hồ Chí Minh không phải ai cũng có được. Trong khi một số người chủ trương đối chiếu so sánh từng quan điểm vô thần, hữu thần, thì xuất phát từ sự hiểu biết thấu đáo tường tận vấn đề, Hồ Chí Minh chỉ đề cập thận trọng kín kẽ, tránh những dị biệt dù ở mức độ nhỏ nhất. Phương pháp trên đem lại hiệu quả to lớn, tận dụng được mọi khả năng để đi đến xu hướng hoà giải toàn vẹn, để đồng bào Công giáo một lòng đoàn kết chống thực dân Pháp, hạn chế tối đa những bất đồng giữa Công giáo và những con người cách mạng với đường lối Macxit của họ (26).

Một linh mục người Việt kể về cuộc biểu tình của 180 chủng sinh tại Hà Nội trong những ngày đầu Cách mạng Tháng Tám năm 1945 như sau: “...Trong những ngày đầu, nói chung người ta không đặt vấn đề Cộng sản. Người ta chỉ biết một điều là Tổ quốc được tự do. Thế thôi. Chỉ sau này.... Lúc đó người ta không biết Hồ Chí Minh là ai. Nhưng trước cách mạng tháng 8, người ta đã nói về Nguyễn Ái Quốc là Cộng sản và đã ở Nga. Người ta chưa nổi được hai tên tuổi đó” (27).

Hồ Chí Minh rất *thận trọng* khi đề cập tới niềm tin (Đức tin của người Công giáo), Người không chủ trương đi sâu vào triết lý Công giáo, không bình luận, không phê phán. Người luôn tôn trọng sự *khác biệt nơi người khác; đón nhận mặt tích cực và loại bỏ mặt tiêu cực; đề cao và phát triển giá trị ở mỗi phía*. Sainteny, đại diện của Chính phủ Pháp ở Việt Nam trong những năm 1945-1947 xác nhận: “Về phần tôi, phải nói rằng chưa bao giờ tôi có cơ để nhận thấy nơi các chương trình của cụ Hồ Chí Minh một dấu vết nào, dù rất nhỏ, của sự công kích, đa nghi; hoặc chế giễu đối với một tôn giáo nào bất kỳ” (28). Cái độc đáo trong tư tưởng của Người về vấn đề này là ở chỗ đã cố gắng tạo ra cơ sở lý thuyết làm nền tảng của sự đoàn kết đó và hết sức mềm dẻo nhưng cương quyết đảm bảo những điều kiện thực sự cho sự đoàn kết ấy (29) - đoàn kết lương - giáo.

Cụ Hồ còn có sáng kiến lớn trong việc cổ vũ những người Công giáo yêu nước thành lập ra tổ chức Công giáo cứu quốc, với mục đích thu hút các linh mục, giáo dân yêu nước tự nguyện đứng vào hàng ngũ Việt Minh.

Mặt khác, Hồ Chí Minh cũng đã sớm đề cập tới đường hướng “kính Chúa - Yêu nước” cho lối sống đạo của người Công giáo trong một nền tảng chính trị - xã hội mới.

Trong một bản thảo chưa được công bố thấy rõ tư tưởng này của Người: “Thực dân Pháp lợi dụng thủ đoạn cũ để mong chia rẽ lương và oán, để làm kém lực lượng kháng chiến của ta, để cướp nước ta một lần nữa:

Song thực dân Pháp quên rằng:

- Việt Nam ngày nay là *zân chủ công hòa*, tôn záo tự do.

- Việt Nam ngày nay đã *toàn dân đoàn kết*, záo cũng như lương, kiên quyết kháng chiến để tranh lấy thống nhất và độc lập cho Tổ quốc.

- Đồng bào công záo quyết thực hiện khẩu hiệu: *Fụng sự Đức Chúa, Fụng sự Tổ quốc*, và đều hiểu rằng: Kính Chúa mà không biết yêu Nước là chưa biết Kính Chúa, mà yêu Nước thì phải kháng chiến” (30).

Cái hay của đường hướng này là ở chỗ *không đẩy người Việt Nam công giáo vào một sự chọn duy nhất* (hoặc Thiên Chúa hoặc Tổ Quốc), điều này có tác dụng *giữ quần chúng giáo dân ở lại với cách mạng*.

Trong những bài viết Hồ Chí Minh *khai thác tư tưởng hành động* của những bậc vĩ nhân cũng như những người sáng lập tôn giáo những yếu tố cần thiết phục vụ cho khối đoàn kết dân tộc. Vì vậy sẽ không lấy làm lạ khi từ đáy lòng Người ca ngợi những vị tiền bối ấy: “Chúa Giê-su dạy: Đạo đức là bác ái; Phật Thích ca dạy: Đạo đức là từ bi; Khổng Tử dạy: Đạo đức là nhân nghĩa” (31).

Bên cạnh những câu nói của các “Đấng tối cao”, Hồ Chí Minh thường *chuyển ý* của các Vị đó cho phù hợp với điều kiện hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, để đồng bào Công giáo dễ hiểu, mà tinh thần cơ bản của câu nói vẫn không thay đổi. Chẳng hạn trong thư chúc mừng Noel đồng bào Công giáo năm 1945, người cho rằng: Sự hi sinh của đồng bào Công giáo ngoài chiến trường là noi theo tinh thần cao thượng của Đức Chúa Giêsu, suốt đời ngài chỉ hi sinh phấn

đấu để cứu xã hội, cứu loài người (32). Hồ Chí Minh viết, “... Công giáo hay không Công giáo, Phật giáo hay không Phật giáo đều phải nỗ lực đấu tranh cho nền độc lập nước nhà... Đức chúa đã hy sinh vì nhân loại. Người đã vì loài người mà hy sinh phần đấu, còn chúng ta hy sinh vì độc lập tự do của dân tộc. Trong Công giáo có câu “Tam vị nhất thể”, nhà Phật có câu “Vạn chúng nhất sinh”, nên chúng ta phải hy sinh cho nhân loại và cho chúng sinh” (33). “Nếu Đức Giê-Su sinh ra vào thời đại chúng ta và phải đặt mình trước nỗi đau khổ của đương thời, chắc Ngài sẽ là một người xã hội chủ nghĩa đi tìm đường cứu thế cho loài người” (34).

Hồ Chí Minh hiểu rằng cần đoàn kết tất cả mọi người gồm cả đồng bào Công giáo và các tín đồ thuộc nhiều tôn giáo khác trên cơ sở đoàn kết tập hợp họ lại thành một khối thống nhất. Vì vậy trong các bài viết, nói chuyện, Hồ Chí Minh tập trung *nhấn mạnh ý nghĩa cần thiết của việc đoàn kết lương - giáo*. “Gần 20 thế kỷ trước, một vị thánh nhân đã ra đời. Cả đời chỉ lo cứu thế độ dân, hy sinh cho tự do bình đẳng.

Trong lúc này, thực dân Pháp gây cuộc chiến tranh, chúng mong cướp nước ta lần nữa, chúng làm trái hẳn với lòng bác ái của Đức Giêsu.

Toàn thể đồng bào ta, không chia lương giáo, đoàn kết chặt chẽ, quyết lòng kháng chiến, để giữ non sông Tổ quốc, và cũng để giữ tự do” (35). Thư gửi đồng bào Công giáo nhân dịp Noel 1947, Người viết: “Chúng ta toàn dân, giáo cũng như lương, đoàn kết kháng chiến để Tổ quốc được độc lập, tôn giáo được tự do, Đức chúa phù hộ chúng ta, chúng ta chắc sẽ thắng lợi” (36).

Theo quan niệm của Hồ Chủ Minh thì *niềm tin tôn giáo và lòng yêu nước không có gì mâu thuẫn*. Một người có thể vừa là

một công dân tốt, vừa là tín đồ mẫu mực. Là công dân thì có Tổ quốc, là giáo hữu thì có Thiên Chúa, Đức phật và các Đấng tối cao khác mà mỗi tôn giáo có một cách gọi. Một người có thể đồng thời hoàn thành nghĩa vụ đối với Tổ quốc, quê hương và làm tròn bổn phận đối với các Đấng tối cao mà mình thờ. Kính Chúa và yêu nước là nhiệm vụ không thể tách rời, có hết phục vụ tổ quốc thì mới làm sáng danh Chúa. Người còn viết: “kinh thánh có câu: “ý dân là ý Chúa”, con đường yêu nước mà đồng bào đang đi là hoàn toàn đúng.

Tôi mong các cụ phụ lão, các vị giám mục và linh mục hăng hái khuyến khích tín đồ trong mọi công việc ích nước lợi dân.

Lương giáo đoàn kết, toàn dân đoàn kết, cả nước một lòng, dân ta nhất định sẽ thắng lợi trong cuộc đấu tranh thực hiện hoà bình thống nhất Tổ quốc và xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh” (37).

Lúc sinh thời và cuộc đời hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh hiểu tình hình tôn giáo ở nhiều nước trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Người biết được những diễn biến phức tạp diễn ra mọi lúc, mọi nơi. Bản thân Người đã trải qua một quá trình bốn ba trải nghiệm thực tế nên Người có thể *tiếp thu gọn lọc những giá trị tinh hoa căn bản nhất của các tôn giáo, và coi đó như là một di sản văn hoá của loài người*. Tài tình hơn, bao giờ Người cũng vận dụng những tri thức mình biết một cách linh hoạt để hiểu và hữu ích với hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam. Do vậy Hồ Chí Minh, một người Cộng sản mới có thể nói: “Học thuyết của Khổng Tử có ưu điểm của nó là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân. Tôn giáo Giê-su có ưu điểm của nó là lòng nhân ái cao cả. Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm của nó, chính sách của nó thích hợp với điều kiện

nước ta. Khổng Tử, Giê-Su, Mác, Tôn Dật Tiên chẳng có những điểm chung đó sao? Họ muốn mưu cầu hạnh phúc cho loài người, mưu phúc lợi cho xã hội. Nếu hôm nay họ còn sống trên đời này, nếu họ hợp lại một chỗ, tôi tin rằng họ nhất định chung sống với nhau rất hoàn mỹ như những người bạn thân thiết.

Tôi cố gắng làm người học trò của các vị ấy” (38).

Tóm lại dựa vào lòng tin tưởng vững chắc ở khả năng và phẩm giá tốt đẹp của con người, Hồ Chí Minh luôn luôn quan tâm, tạo điều kiện để mọi người Công giáo phát huy cái tốt, sửa chữa nhược điểm. Người sử dụng tài tình nhiều phương pháp để tập hợp người Công giáo, hướng hoạt động của họ vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc.

*

Ứng xử của Hồ Chí Minh với các vấn đề của Công giáo trong những năm 1945-1954 cho thấy khả năng đối thoại, hòa giải của Người đối với chức sắc và cộng đồng Công giáo một cách trí tuệ, tinh tế, lấy đại cục làm trọng. Các câu chuyện đối thoại của Người cũng cho thấy Công giáo luôn là một thực thể có những dấu ấn lịch sử đặc biệt trong lòng dân tộc và mang trong mình tính nhạy cảm sâu sắc. Trên thực tế, do bối cảnh lịch sử chính trị phức tạp chi phối, các cuộc đối thoại đã không đi đến kết quả như kì vọng của nhiều người, nhưng dấu sao cũng hạn chế được tối đa các xung đột không cần thiết giữa Công giáo với kháng chiến, và hơn thế, tập hợp được khá nhiều người Công giáo tham gia ủng hộ phong trào đấu tranh do những người Cộng sản lãnh đạo. Phong cách đối thoại của Hồ Chí Minh cho thấy Người có lòng khoan dung và am hiểu sâu sắc giáo lý Công giáo.

Những nhận định và giải pháp cho vấn đề Công giáo với dân tộc trong kháng chiến chống Pháp của Hồ Chí Minh, một mặt dựa trên những luận điểm căn bản của chủ nghĩa Mác, mặt khác được hình thành từ sự tiếp thu phát triển các giá trị nhân bản của dân tộc, vừa là vận dụng một cách sáng tạo phù hợp với điều kiện lịch sử Việt Nam. Xuyên suốt mọi hoạt động của Người nổi bật lên tư tưởng đoàn kết tôn giáo - một bộ phận cấu thành tư tưởng Hồ Chí Minh, tư tưởng được bắt nguồn từ việc lấy nhân dân là chủ thể và độc lập dân tộc là mục tiêu phấn đấu. "Mọi tư tưởng, mọi sáng tạo của Hồ Chí Minh đều xuất phát từ lòng yêu thương, kính trọng, tin tưởng nhân dân" (39).

Thực tế cuộc đời sự nghiệp của Hồ Chí Minh đã khẳng định sự nhất quán chính sách: *Tôn trọng tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân*. Tư tưởng ấy của Người còn là nền tảng căn bản cho các chính sách tôn giáo Đảng và Nhà nước ta

trong suốt mấy chục năm qua và vẫn giữ nguyên giá trị cho tới tận ngày hôm nay.

Nếu nhìn ở góc độ đạo đức, cách hoà giải Công giáo với dân tộc của Hồ Chí Minh chứa đựng đậm nét tính vị tha, lòng nhân ái và sức tin mãnh liệt vào con người, vào nhân dân. Không chỉ bằng lời kêu, tiếng gọi mà bằng những hành động cụ thể, Hồ Chí Minh đã cảm hoá, cuốn hút, tập hợp mọi người dưới lá cờ thống nhất chung. Sự hài hoà giữa tư tưởng, hành động và nhân cách Hồ Chí Minh làm cho khối đoàn kết dân tộc trong đó có Công giáo không chỉ dừng ở khẩu hiệu, tư tưởng, mà thật sự đã trở thành động lực quy tụ sức mạnh của cả dân tộc vào sự nghiệp kháng chiến. Bởi vậy không lấy gì làm lạ ngay từ những năm 40 của thế kỷ trước phe hữu Công giáo Pháp có nhận xét: "Xét đến cùng thì chính ông Hồ Chí Minh sẽ được lịch sử sau này xét công cho là đã làm thắng lợi tư tưởng thống nhất quốc gia Việt Nam" (40).

CHÚ THÍCH

(1). Chẳng hạn cuốn *Kỉ luật của bộ đội đôi với đồng bào Công giáo* do Ban tuyên huấn xuất bản năm 1950 đã nghiêm cấm bộ đội xâm phạm các cơ sở Công giáo. Tất nhiên trong bối cảnh kháng chiến những va chạm giữa hai bên thật khó tránh khỏi.

(2). Sau năm 1945, Hồ Chí Minh kí một sắc lệnh liên quan đến những ngày lễ được nghỉ, người ta thấy có lễ mừng Thiên Chúa giáng sinh.

(3), (4). Viện Nghiên cứu Tôn giáo, *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996, tr. 129, 130.

(5). Từ khi Công giáo du nhập vào Việt Nam cho đến khi xuất hiện bốn chữ "tín ngưỡng tự do" đối với Công giáo là một quá trình nhận thức dài của lịch sử. Mãi đến thời Tự Đức Công giáo mới được nhìn nhận như một tôn giáo. Nhưng rồi nhà Nguyễn nhanh chóng mất quyền quản lý đất nước,

hơn nữa Công giáo lại bị định kiến nặng nề trong phong trào Văn thân với khẩu hiệu "Bình Tây, Sát tả". Khi Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo phong trào Cách mạng, Công giáo được coi là một tôn giáo, hơn nữa với nhân quan của những nhà Mác-xít mà tiêu biểu là Hồ Chí Minh đã coi Công giáo còn là một lực lượng chính trị quan trọng và "đặc biệt" của cách mạng, cũng như của chiến lược đoàn kết toàn dân.

(6). Tạp chí *Đường Dậy*, số 71, năm 1975, tr. 44.

(7). Trước năm 1992, trong ngôn ngữ của Hiến pháp và các văn bản pháp luật ở Việt Nam chưa có cụm từ tự do tôn giáo. Tuy nhiên đến sắc lệnh số 234-SL ngày 14-6-1955 do Hồ Chí Minh ký, lần đầu tiên trình bày khá toàn diện *nội dung về quyền tự do tôn giáo* mà ngôn ngữ văn bản này gọi là *bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng* (chương I).

(8). Tại sao vấn đề tự do tín ngưỡng tương là một quyền lợi hiển nhiên chính đáng lại được đề cao như vậy trong giai đoạn này? Chúng ta phải đặt vấn đề trong bối cảnh lịch sử lúc đó: Từ cuối những năm 1920 và đặc biệt trong những năm 1930, Giáo hội Công giáo ở Việt Nam đã coi việc truyền bá Chủ nghĩa Cộng sản vào Việt Nam như một hiểm họa cho sự phát triển xã hội. Một số sách báo của Giáo hội coi chủ nghĩa Cộng sản là kẻ thù không đội trời chung của các tôn giáo. Ở Việt Nam người ta bắt đầu tuyên truyền chống Cộng từ những năm 1930 - 1931. Sau phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh và đặc biệt sau thông điệp Divini Redemptoris của Giáo hoàng Pio XI về chủ nghĩa Cộng sản vô thần năm 1937. Chính Giám mục Eloy - Bắc Đại diện Tông toà địa phận Vinh, viết trong bức thư ngày 6-6-1932 rằng: "...người ta thấy Cộng sản Việt Nam cũng không tôn trọng tôn giáo hơn là Cộng sản Nga. Tương lai thật đáng lo ngại"- trích trong bài của linh mục Trương Bá Cần, *Người Công giáo phận Vinh trong những năm kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (1945 - 1975)*, trên Nguyệt san Công giáo và Dân tộc, số 17, tháng 5, 1996, tr.77-78; Xem thêm bài của Nguyễn Quang Hưng trên Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2 năm 2002, tr.34.

(9), (11). Viện Nghiên cứu Tôn giáo, *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996, tr.132, 149.

(10). Dẫn theo Đỗ Quang Hưng, *Vấn đề tôn giáo trong cách mạng Việt Nam lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 183.

(12). Báo *Nhân dân*, ngày 25-03-1951, dẫn lại theo Đỗ Quang Hưng, *Vấn đề tôn giáo trong cách mạng Việt Nam lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 169.

(13). *Thông tri số 42 về việc đánh vào nhà thờ có vị trí địch của Ban Bí thư ngày 1-12-1951*. Tài

liệu lưu trữ, Phòng Trung ương, hồ sơ Thông tri Trung ương năm 1951.

(14), (15). Viện Nghiên cứu Tôn giáo, *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996, tr. 258, 259.

(16). Xem báo *Nhân dân* từ ngày 26-31/12/1953 và Đỗ Quang Hưng (2005), *Vấn đề tôn giáo trong cách mạng Việt Nam...*,sdd, tr.169-170.

(17). Jeau-Raoul Clémentin, *Le Comportement Politique Des Institutions Catholiques Au Vietnam* trong cuốn: *Tradition Et Révolution Au Vietnam*, éditions Anthropos, Paris, 1971, tr, 133.

(18). "*Điều 11 - Khi phát động quần chúng giảm tô và cải cách ruộng đất, những giám mục, linh mục, nhà sư, chức sắc có ruộng đất riêng phát canh thu tô như địa chủ, sẽ không quy định thành địa chủ nhưng phải thi hành đúng chính sách ruộng đất của Chính phủ.*

*Điều 12 - Để đảm bảo việc thờ cúng của nhân dân và giúp đỡ các nhà tu hành, đối với phần ruộng đất mà nhà thờ, nhà chùa, thánh thất được sử dụng từ sau cải cách ruộng đất, Chính phủ sẽ chiếu cố và cho đóng thuế nông nghiệp theo mức nhẹ hơn" - Xem trong: Viện Nghiên cứu Tôn giáo, *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*, sdd, tr. 261.*

(19). Nhiều người di cư theo cộng đồng, gia đình, họ hàng và kêu gọi của chức sắc, chứ bản thân họ cũng không biết cộng sản là gì. Họ di theo tâm lý đám đông và tính cưỡng chế của chính cộng đồng họ sinh sống.

(20). Phần lớn người Công giáo Bắc di cư vào Nam sau năm 1954, tuy nhiên việc ra đời của Ủy ban liên lạc những người Công giáo yêu tổ quốc yêu hòa bình năm 1955 cũng cho thấy chính sách của cụ Hồ không phải không có hiệu quả.

(21). Đoàn Độc Thư và Xuân Huy, *Giám mục Lê Hữu Từ*, sử liệu hiện đại, Sài Gòn, 1973, tr. 111. Nếu ai nghiên cứu về tôn giáo khi đọc các

đoạn trích trên của bài viết thấy khác đôi chút so với tư liệu trong hai cuốn *Thập giá và lưỡi gươm* và cuốn *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng* khi có những đoạn trích nói về mối quan hệ giữa Hồ Chí Minh và Lê Hữu Từ là vi: Các tư liệu về Hồ Chí Minh với Lê Hữu Từ trong cuốn *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng* hầu hết được lấy trong cuốn *Thập giá và lưỡi gươm* của Linh mục Trần Tam Tĩnh. Linh mục Trần Tam Tĩnh khi viết cuốn CATTOLICI NELLA STORIA DEL VIETNAM xuất bản ở Roma, Ý tháng 5-1975, sau in ở Pháp năm 1978 mang tên DIEU ET CESAR (dịch là *Thiên chúa và Hoàng đế*, năm 1988 Nxb Trẻ dịch là *Thập giá và lưỡi gươm*) thì tham khảo tài liệu từ cuốn *Giám mục Lê Hữu Từ* được biên soạn trên cơ sở nhật ký của Linh mục Đoàn Độc Thư, và nhật ký, hồi ký của Lê Hữu Từ. Mặt khác, *Thập giá và lưỡi gươm* được dịch ra từ tiếng Pháp, lại không được tác giả hiệu đính nên có lệch nhiều so với các ý gốc của tác giả (điều này chính tác giả của *Thập giá và lưỡi gươm* cũng không hài lòng - như lời tác giả đã thổ lộ hồi cuối tháng 4-2006 trong một cuộc Hội thảo do Viện Nghiên cứu Tôn giáo tổ chức). Đây là lý do tại sao cùng là một bức thư nhưng so sánh giữa hai bản (giữa cuốn *Giám mục Lê Hữu Từ* và *Thập giá và lưỡi gươm*) lại có những chữ khác nhau. Bên cạnh đó cũng phải thấy rằng tác giả Trần Tam Tĩnh là linh mục Công giáo nên khi tham khảo tài liệu để nghiên cứu và viết sách "có thể" đã sửa đổi một số cách xưng hô cho phù hợp với người trong đạo, nên có sự lệch về một số từ giữa các tài liệu.

(22), (23), (24), (25). Cao Văn Luận, *Bên dòng lịch sử (1940-1965)*, Nxb. Trí Dũng, Sài Gòn, 1972, tr. 78-79, 86, 104, 105.

(26). Xem thêm Ngô Quốc Đông, *Đạo và Đời trong tư tưởng Hồ Chí Minh*, in chung trong *Hồ*

Chí Minh hiện thân của văn hóa hòa bình, Nxb. Văn hóa Sài Gòn, 2005, tr. 746-751.

(27). Hương Khê, *Người Việt Nam Công giáo với cách mạng mùa thu 1945*, Nguyệt san Công giáo và Dân tộc, 1999, số 57, tr. 10.

(28), (34). Trần Tam Tĩnh, *Thập giá và lưỡi gươm*, Nxb. Trẻ, Tp Hồ Chí Minh, 1988, tr. 80, 79.

(29). Đỗ Quang Hưng, *Vấn đề tôn giáo tín ngưỡng trong tư tưởng Hồ Chí Minh*, in trong *Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc, tôn giáo và đại đoàn kết trong cách mạng Việt Nam*, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2003, tr.339.

(30). Bản thảo Hồ Chí Minh viết về Công giáo, phần: *Giặc Pháp giết hại Công giáo Việt Nam*, Tài liệu Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, trang đầu tiên.

(31). Báo *Nhân dân* ngày 14-6-1951, xem trong *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng* (1996), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996, tr.186.

(32). Báo *Cứu quốc*, số xuân (1946), *Thư Hồ Chủ tịch gửi đồng bào Công giáo Việt Nam ngày 25-12-1945*.

(33). Báo *Cứu quốc* ngày 14, 15-1-1951.

(35), (36). Viện Nghiên cứu Tôn giáo, *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996, tr.151, 167.

(37). Trần Đương, *Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo*, Tạp chí *Cộng sản*, số 7, 1997, tr. 32; và xem thêm *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo....*, sđd, 1994, tr. 304-305.

(38). Trần Dân Tiên, *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ chủ tịch*. Bản Trung văn của Trương Niệm Thúc. Nxb. Tam Liên, Thượng Hải tháng 6/1949 - Dẫn lại theo *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo....*, sđd, tr. 9.

(39). Hà Huy Giáp, *Một vài suy nghĩ về tư tưởng Hồ Chí Minh*, Tạp chí *Cộng sản*, số 5 - 1992, tr. 16.

(40). Báo *Sự thật*, số 105, ra ngày 25-12-1948.